

Số: 17/2025/QĐST-DS

Phù Cát, ngày 10 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v yêu cầu tuyên bố một người là đã chết**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Nguyễn Đức Minh
- *Thư ký phiên họp:* Bà Huỳnh Đặng Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 43/2024/TLST-VDS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc: "*Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết*", theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*  
Ông Võ Văn T, SN: 1955  
Trú tại: thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B Đ.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*  
Ông Võ Văn Đ, SN: 1985  
Nơi cư trú cuối cùng: thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B Đ.  
(Ông T có mặt; Ông Đ vắng mặt)

## **NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Theo yêu cầu và lời khai của ông Võ Văn T, ông T trình bày:*

Ông là cha ruột của ông Võ Văn Đ, sinh năm 1985. Ông Đ trước khi biệt tích có nơi cư trú sinh sống ổn định cùng với gia đình của ông tại thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B Đ. Khi đang sinh sống tại địa phương thì đến ngày 22/7/2013 ông Võ Văn Đ bỏ nhà đi khỏi địa phương, khi đi không báo cho gia đình và địa phương đã đi đâu rồi biệt tích từ đó cho đến nay mà không có bất cứ thông tin gì về ông Đ hiện đang làm ăn sinh sống ở đâu, còn sống hay đã chết.

Từ ngày 22/7/2013 cho đến nay ông Võ Văn Đ không có trở về địa phương và cũng không có bất cứ liên lạc gì với ông và gia đình. Gia đình ông cũng đã đi tìm kiếm khắp nơi, thông qua người quen để tìm kiếm nhưng không có thông tin về việc ông Đ còn sống hay đã chết.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố ông Võ Văn Đ, sinh năm 1985, có nơi cư trú cuối cùng ở thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B Đ là đã chết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Phù Cát nhận định:

[1] Ông Võ Văn T yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Võ Văn Đ, sinh năm 1985, có nơi cư trú cuối cùng ở thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B Đ là đã chết.

[2] Xét yêu cầu của ông Võ Văn T thì thấy rằng:

Ông Võ Văn T là cha ruột của ông Võ Văn Đ, trước khi biệt tích ông Đ có nơi cư trú sinh sống tại thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B Đ. Vào ngày 22/7/2013 ông Võ Văn Đ đã bỏ nhà đi, khi đi không báo cho ông T và gia đình là đi đâu rồi biệt tích từ đó cho đến nay không có bất cứ liên lạc gì với ông T và gia đình; ông T không biết hiện nay ông Đ đang làm ăn sinh sống ở đâu và cũng không có liên lạc được với ông Đ. Từ ngày ông Đ bỏ đi cho đến nay ông Đ không có trở về địa phương và cũng không có tin tức gì về ông Đ.

Theo nội dung xác minh tại Công an xã C, huyện P và Ban thôn A, xã C xác định ông Võ Văn Đ trước đây đăng ký thường trú trong hộ gia đình ông Võ Văn T nhưng ông Đ bỏ nhà đi khỏi địa phương từ ngày 22/7/2013 cho đến nay không có trở về địa phương thôn A, xã C, huyện P; không có tin tức ông Đ và hiện nay ông Đ không có mặt tại địa phương, không có thông tin cư trú hiện nay của ông Đ; ông Đ hiện đang ở đâu, làm gì địa phương không rõ; qua kiểm tra về dữ liệu dân cư thì ông Đ chưa được cấp căn cước công dân.

Ông Võ Văn T làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Võ Văn Đ là đã chết. Sau khi Tòa án thụ lý yêu cầu của ông T, Tòa án đã tiến hành đăng tin tìm kiếm

ông Đ trên Báo Công lý và Đài Tiếng nói Việt Nam trong 03 số liên tiếp, cho đến nay đã quá 04 tháng mà cũng không có tin tức gì về ông Đ.

Từ những nhận định trên, Tòa án nhân dân huyện Phù Cát có căn cứ để xác định ông Võ Văn Đ biệt tích từ ngày 22/7/2013 cho đến nay. Do đó, việc ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Võ Văn Đ là đã chết là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 71 Bộ luật dân sự năm 2015 nên yêu cầu của ông T được Tòa án chấp nhận. Ngày biệt tích của ông Đ là ngày 22/7/2013 nên thời điểm chết của ông Đ được xác định là vào ngày 23/7/2018.

**[3]** Lệ phí giải quyết việc dân sự:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 385 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Võ Văn T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí cho việc đăng tin, thông báo tìm kiếm. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn lệ phí nên Tòa án miễn lệ phí giải quyết việc dân sự cho ông T. Do đó, hoàn trả lại 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự cho ông Võ Văn T.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự theo hướng chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn T.

*Vì các lẽ nêu trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 71, Điều 72 Bộ Luật dân sự năm 2015; các Điều 391, 392, 393 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 385 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn T về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Võ Văn Đ, sinh năm 1985, nơi cư trú cuối cùng tại thôn A, xã C, huyện P, tỉnh B Đ là đã chết.

- Thời điểm chết của ông Võ Văn Đ được xác định là ngày: 23/7/2018.

**2.** Về quan hệ hôn nhân, quan hệ tài sản của ông Võ Văn Đ được giải quyết như đối với một người đã chết.

**3.** Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Miễn tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng cho ông Võ Văn T.

Hoàn trả lại cho ông Võ Văn T 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 00... ngày .... tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

**4. Chi phí cho việc đăng tin thông báo tìm kiếm:**

Ông Võ Văn T phải chịu 3.750.000 đồng (*Ba triệu, bảy trăm, năm mươi hai nghìn đồng*). Tuy nhiên, ông T đã tạm nộp 3.750.000 đồng cho Tòa án và đã tiến hành đăng tin xong, nên được khấu trừ.

**5. Quyền kháng cáo, kháng nghị:** Ông Võ Văn T có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân H. Phù Cát;
- Thi hành án dân sự H. Phù Cát
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Đức Minh**

### **Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:**

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm .....”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại .....là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng..... năm.....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA  
PHIÊN HỌP**  
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”*